

Bản án số: **26/2021/HS-ST**

Ngày: **22/4/2021**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bình và ông Vũ Xuân Dữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Ngọc C**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 2000; Nơi cư trú: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

Bố đẻ: Đỗ Văn Đ - sinh năm 1973. Mẹ đẻ: Phạm Thị L- sinh năm 1977. Hiện bố mẹ đều lao động tự do và trú tại xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Thanh T**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 2001; Nơi cư trú: xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

Bố đẻ: Phạm Minh N - sinh năm 1975. Mẹ đẻ: Trần Thị L1- sinh năm 1976. Hiện bố mẹ đều lao động tự do và trú tại xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không. Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 11/10/2020, Công an xã K, huyện K phạt vi phạm hành chính bằng hình thức “cảnh cáo” về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy”.

Lịch sử bản thân: Ngày 23/5/2019, Công an xã K, huyện K phạt vi phạm hành chính bằng hình thức “cảnh cáo” về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/11/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phạm Quang S**, Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Khối 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

Bố đẻ: Phạm Quang M - sinh năm 1955. Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T- sinh năm 1958. Hiện bố mẹ đều lao động tự do và trú tại xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị H; sinh năm 1987. Hiện đang lao động tự do và trú tại khối 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30/12/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Anh Đinh Quang H1, sinh năm 1980; trú tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị X, sinh năm 1994, trú tại xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn H2, sinh năm 1999, trú tại khối 12, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Trần Quang K, sinh năm 2002, trú tại xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

+ Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1965, trú tại xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

+ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1957, khối 12, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

+ Anh Mai Văn T2 (tên gọi khác N1), sinh năm 1994, trú tại xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Phạm Minh N, chị Lê Thị H3, ông Đinh Gia C1, anh Lưu Ngọc T3. Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Thanh T và Đỗ Ngọc C có mối quan hệ quen biết với nhau và cùng là người nghiện. Để có tiền để tiêu sài và sử dụng ma túy nên T và C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, trong tháng 11/2020 đã thực hiện các vụ trộm như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 13/11/2020, khi đi sang sân nhà anh Trần Đức H4, sinh năm 1975, ở xóm 6, xã K, huyện K, Đỗ Văn C phát hiện chiếc xe mô tô BKS 35F1-6360 nhãn hiệu Honda Dream của anh Đinh Quang H1 dựng tại đây. Do thấy không có ai trông coi tài sản nên C nảy sinh ý định trộm cắp xe trên. C gọi điện mượn “vạm” phá khóa và rủ T trộm cắp thì T đồng ý. C về nhà lấy xe mô tô BKS 35K1-106.21 đến chở T đến gần khu vực đám cưới. Sau đó C về nhà cất xe rồi cầm vạm phá khóa sang sân nhà anh H4. C tiến đến chiếc xe mô tô của anh H1 quay đầu xe mô tô và dùng tay trái cầm vạm chọc, vặn làm vỡ ổ bi khóa điện, C ngồi lên xe mô tô nổ máy điều khiển xe ra chỗ T đợi. Sau khi lấy xe mô tô, C gọi điện cho Mai Văn T2, rồi cùng T mang xe đến bán cho anh T2 với giá

2.000.000đ, C đưa cho T 400.000đ, số tiền còn lại C đã tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 16/12/2020 anh Đinh Quang H1 mới trình báo nội dung mất xe mô tô với Cơ quan công an.

Tại bản kết luận định giá số 68/HĐ ĐG ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện K kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu tím, BKS 35F1-6360 tại thời điểm bị xâm hại là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 18/11/2020, Phạm Thanh T cầm theo 01 vạm tự chế bằng tô vít hai cạnh bỏ trong túi quần bên trái đi bộ từ nhà đến khu vực cổng Trường tiểu học thị trấn B, thuộc khối 5, thị trấn B, huyện K tìm xe mô tô để trộm cắp. Tại đây T phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam –đen– bạc, BKS 35B2-082.11 của chị Phạm Thị X đang dựng trước cổng trường, xe không khóa cổ, khóa càng. Thấy không có người trông coi, T lấy vạm tự chế dùng tay phải vặn vỡ ổ khóa điện của xe, cật vạm vào túi áo khoác bên phải rồi điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Đến 12 giờ cùng ngày do không tìm được nơi tiêu thụ nên T đã dùng tô vít tháo biển kiểm soát của xe ném xuống sông cạnh cầu thuộc xóm M, xã K, huyện K rồi điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp đến gửi tại quán bi-a của anh Trần Quang K, đồng thời T hỏi và mượn anh K 2.000.000đ, số tiền này sau đó anh Thiên đã tiêu sài cá nhân hết. Đối với chị Phạm Thị X, sau khi phát hiện bị mất xe mô tô đã đến Công an thị trấn B để trình báo nội dung sự việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 61/HĐĐG ngày 22/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện K kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam –đen –bạc , BKS 35B2-082.11 tại thời điểm bị xâm hại là 9.917.000đ (Chín triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Buổi chiều ngày 25/11/2020, Đỗ Ngọc C điều khiển xe nhãn hiệu SYM, Angel màu xanh, BKS 99H1-3937 đến dựng tại hông nhà chị Lê Thị H3, sinh năm 1983, trú tại khối 11, thị trấn B, huyện K, rồi đi bộ ra câu cá ở khu vực gần đó. Khoảng 16 giờ 30 phút, khi đi bộ về đến đoạn đê Bình Minh 3 gần cổng C5, thuộc địa phận xã K, huyện K, C phát hiện xe mô tô Honda Wave, màu đen bạc, BKS 35B1-222.17 của anh Phạm Văn H2, đang dựng ở lán thu mua ngao. Quan sát không có ai C nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên. C tiến đến lấy chìa khóa xe của mình cho vào ổ khóa của xe trên và bật được khóa điện. Sau đó C nổ máy điều khiển xe về xã K, rồi đến nhà Phạm Quang S, để bán chiếc xe này. S hỏi về nguồn gốc xe thì C nói xe này do trộm cắp được. Do không có tiền nên S không mua xe nhưng khi được C nhờ tìm nơi tiêu thụ và hứa với S nếu bán được xe sẽ cho S tiền. Sau đó S gọi điện thoại và dẫn C đến nhà ông Vũ Văn T1, cầm cố chiếc xe mô tô lấy số tiền 2.500.000đ, C đã đưa cho S số tiền 500.000đ như đã hứa hẹn trước. Do nghi ngờ xe trên là tài sản trộm cắp nên ông T1 đã trình báo Công an K, gọi điện yêu cầu S và C quay lại lấy xe và trả tiền. Sau khi tài sản bị trộm cắp anh Phạm Văn H2 đã đến Công an xã K để trình báo sự việc.

Tại bản kết luận định giá số 67/HĐ ĐG ngày 26/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện K kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen –bạc , BKS 35B1-222.17 tại thời điểm bị xâm hại là 4.517.000đ (Bốn triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan công an thu giữ của Chiến 01 xe mô tô BKS nhãn hiệu Honda, Wave màu đen –bạc, BKS 35B1-222.17 tại nhà ông Vũ Văn T1 và thu của C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Starlight M06; thu giữ tại nhà chị Lê

Thị H3 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel, BKS 99H1-3937 bên trong cốp xe có 01 văm phá khóa chế bằng tô vít cán màu xanh KT (6,7 x 1,7)cm lõi bằng kim loại KT (5,9 x 0,8)cm. Thu giữ tại nhà Mai Văn T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu tím, BKS 35F1-6360. Thu giữ tại quán bi-a của Trần Quang K 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam –đen –bạc xe không có yếm hai bên và 01 bộ cánh yếm hai bên đã tháo rời. Thu giữ tại nhà Phạm Thanh T 01 xe mô tô nhãn hiệu Deahan, màu tím, xe không có biển kiểm soát, không yếm. Thu giữ từ ông Phạm Văn Đ 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn Đ và 01 chìa khóa xe Honda.

Ngoài 03 lần trộm cắp nêu trên, quá trình điều tra Phạm Thanh T và Đỗ Ngọc C còn khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện N, tỉnh Nam Định cụ thể như sau:

Vào cuối tháng 10/2020, Phạm Thanh T và Đỗ Ngọc C đi nhờ xe sang địa bàn huyện N, tỉnh Nam Định tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực dốc đê sông Ninh Cơ (cửa sông giáp biển) cả hai phát hiện xe mô tô Honda Wave α màu trắng không nhớ biển kiểm soát. T lấy tô vít vặn làm vỡ bi ổ khóa điện, rồi cắt tô vít vào túi quần, C tiến đến quay đầu xe, nổ máy chờ T đi. Đi được khoảng 100m thì cả hai phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Daehan, kiểu dáng xe Dream, màu tím không có biển kiểm soát đang dựng trên đê nên C dừng xe để T đi bộ lại gần, thấy chìa khóa vẫn đang cắm ở ổ khóa điện, T ngồi lên xe, nổ máy rời khỏi hiện trường. Sau đó C và T điều khiển 02 xe mô tô vừa trộm cắp được về gửi nhà Mai Văn T2, rồi C hỏi vay anh T2 số tiền 1.500.000đ thì được T2 đồng ý. Sau khi vay được tiền, C đưa cho T số tiền 500.000đ, còn C giữ lấy 1.000.000đ tiêu sài cá nhân. Khoảng 03 ngày sau C đến trả anh T2 tiền và lấy lại 02 xe mô tô đã gửi lúc trước. C bán cho anh Vũ Văn T4, sinh năm 1976, trú tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, xe mô tô Honda Wave màu trắng lấy số tiền 1.500.000đ, còn xe nhãn hiệu Deahan kiểu dáng Dream, T đem về dựng tại bếp của gia đình. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Deahan, kiểu dáng Dream tại nhà T, đối với xe Honda Wave α C đã bán cho T đến nay chưa thu hồi được. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trao đổi với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Nam Định để phối hợp điều tra theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Công an huyện K đã trả xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng xe Wave, không có BKS màu cam- đen- bạc có số khung 261117, số máy 7261303 cho chị Phạm Thị X; xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu tím, BKS 35F1-6360, có số khung 053347, số máy 0053382 trả cho anh Đinh Quang H1; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, BKS 35B1-222.17 có số máy 3117813, số khung Y317783 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 017177 và 01 chìa khóa xe cho ông Phạm Văn Đ(là bố đẻ của Phạm Văn H2), các chủ sở hữu đã nhận lại xe và không có ý kiến hay đề nghị gì.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Starlight M06 vỏ màu xanh đen là của Đỗ Ngọc C, 01 văm phá khóa tự chế KT (12,5 x 1,7)cm chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

01 xe mô tô nhãn hiệu SYM- Angel 100 màu xanh, BKS 99H1-3937 và 01 đăng ký của xe này mang tên Đỗ Văn H5 ở Đ, G, Bắc Ninh và 01 chìa khóa xe nhãn hiệu “Honda” KT (5 x 5,2)cm, quá trình điều tra xác định, C mượn xe mô tô nêu trên của anh Hoàng Văn M, sinh năm 1990, trú tại xóm 1, xã K, huyện K, Cơ

quan cảnh sát điều tra Công an huyện K chưa nhận được kết quả xác minh nguồn gốc xe nêu trên nên tách phần tài liệu liên quan đến xe này để xử lý sau. 01 xe mô tô nhãn hiệu Deahan, kiểu dáng Dream, có số máy VDMD 100-1-0002333, không có số khung, không có biển kiểm soát, không yểm trước, quá trình điều tra đến nay chưa xác định được thông tin chủ sở hữu xe này nên Cơ quan cảnh sát điều tra tách phần liên quan đến xe trên để xử lý sau.

Về vấn đề dân sự: Số tiền 2.000.000đ Mai Văn T2 mua xe mô tô BKS ngày 13/11/2020, đến nay gia đình Phạm Thanh T và Đỗ Ngọc C đã trả lại cho anh T2; số tiền 2.000.000đ, Phạm Thanh T mượn của anh Trần Quang K vào ngày 18/11/2020 hiện gia đình Phạm Thanh T trả lại số tiền trên cho anh K, các anh T2 và K đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKS-KS ngày 22/3/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Đỗ Ngọc C và Phạm Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo Phạm Quang S về tội “Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố các bị cáo Đỗ Ngọc C và Phạm Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Phạm Quang S về tội “Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS:

- + Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc C từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2020

- + Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2020

- Áp dụng: 1 và 3 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Quang S 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106, 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14:

- + Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Starlight M06 vỏ màu xanh đen của Đỗ Ngọc C.

- + Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa tự chế KT (12,5 x 1,7)cm

- + Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Tại Cơ quan CSĐT công an huyện K, cũng như tại phiên tòa Phạm Thanh T, Đỗ Văn C và Phạm Quang S đều đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện điều hợp pháp

[2] Về tội danh của các bị cáo Đỗ Ngọc C và Phạm Thanh T:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Ngọc C khai nhận đã có hai lần trộm cắp tài sản cụ thể lần thứ nhất vào ngày 13/11/2020 rử rê Phạm Thanh T cùng trộm cắp 01 xe mô tô BKS 35F1-6360 nhãn hiệu Honda Dream ở xóm 6, xã K, huyện K; lần thứ hai vào ngày 25/11/2020 trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave, màu đen bạc, BKS 35B1-222.17 tại khu vực khối 11, thị trấn B, huyện K.

[2.2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thanh T khai nhận đã có hai lần trộm cắp tài sản, cụ thể lần thứ nhất vào ngày 13/11/2020 được Đỗ Ngọc C rủ rê cùng trộm cắp 01 xe mô tô BKS 35F1-6360 nhãn hiệu Honda Dream ở xóm 6, xã K, huyện K; lần thứ hai vào ngày 18/11/2020 tự mình thực hiện trộm cắp Honda Wave màu cam – đen- bạc, BKS 35B2-082.11 tại khu vực khối 5, thị trấn B, huyện K.

[2.3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa còn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Được chứng minh qua các vật chứng đã thu giữ được là 03 chiếc xe mô tô mà các bị cáo đã trộm cắp và Kết luận định giá tài sản số 61/HĐĐG ngày 22/11/2020, số 67/HĐĐG ngày 26/11/2020, số 68/HĐĐG ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện K xác định: chiếc xe mô tô bị trộm cắp ngày 13/11/2020 trị giá 8.000.000đ, chiếc xe mô tô bị trộm cắp ngày 18/11/2020 trị giá 9.917.000đ, chiếc xe mô tô bị trộm cắp ngày 26/11/2020 trị giá 4.517.000đ.

[2.4] từ những chứng cứ đã nêu tại mục [2.1] đến [2.3] đã có đủ cơ sở xác định: lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông coi tài sản, các bị cáo Đỗ Ngọc C, Phạm Thanh T nhiều lần có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô, cụ thể:

Khoảng 19 giờ ngày 13/11/2020, tại xóm 6, xã K, huyện K các bị cáo Chiến và T chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 35F1-6360 của anh Đinh Quang H1 ở xóm 6, xã K, huyện K.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 18/11/2020, tại khu vực cổng Trường tiểu học thị trấn B, thuộc khối 5, thị trấn B, huyện K, bị cáo Phạm Thanh T đã chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam – đen- bạc, BKS 35B2-082.11 của chị Phạm Thị X.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25/11/2020 tại khu vực cổng C5 thuộc áng phân xã K, huyện K, Đỗ Ngọc C đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô Honda Wave, màu đen bạc, BKS 35B1-222.17 của anh Phạm Văn H.

Hành vi của Đỗ Ngọc C và Phạm Thanh T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thuộc trường hợp “tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng”

“Điều 173. Tội Trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”

[3] Về tội danh của bị cáo Phạm Quang S:

[3.1] Tại phiên tòa bị cáo C khai nhận: sau khi trộm cắp được xe mô tô Honda Wave, màu đen bạc, BKS 35B1-222.17 của anh Phạm Văn H, đang dừng ở

lần thu mua ngao; C nổ máy điều khiển xe về xã K, rồi đến nhà Phạm Quang S để bán chiếc xe này. S hỏi về nguồn gốc xe thì C nói xe này do trộm cắp được. Do không có tiền nên S không mua xe nhưng khi được C nhờ tìm nơi tiêu thụ và hứa với S nếu bán được xe sẽ cho S tiền. Sau đó S gọi điện thoại và dẫn C đến nhà ông Vũ Văn T1, cầm cố chiếc xe mô tô lấy số tiền 2.500.000đ, C đã đưa cho S số tiền 500.000đ như đã hứa hẹn trước.

[3.2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Quang S khai nhận: bị cáo C đến nhà Phạm Quang S để bán chiếc xe mô tô Honda Wave, màu đen bạc, BKS 35B1-222.17. S hỏi về nguồn gốc xe thì C nói xe này do trộm cắp được; S không mua xe nhưng khi được C nhờ tìm nơi tiêu thụ và hứa với S nếu bán được xe sẽ cho S tiền; nên S gọi điện thoại và dẫn C đến nhà ông Vũ Văn T1, cầm cố chiếc xe mô tô lấy số tiền 2.500.000đ, C đã cho S số tiền 500.000đ như đã hứa hẹn trước.

[3.3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa còn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Vũ Văn T1. Được chứng minh qua vật chứng đã thu giữa được là chiếc xe mô tô bị trộm cắp ngày 26/11/2020 trị giá 4.517.000đ mà các bị cáo đã mang đi cầm cố cho ông Vũ Văn T1 lấy 2.500.000đ.

[3.4] Từ những chứng cứ đã nêu tại mục [3.1] đến [3.3] đã có đủ cơ sở xác định: bị cáo Phạm Quang S là người biết được tài sản chiếc xe mô tô BKS 35B1-222.17 do C trộm cắp được, không trình báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo C; còn giúp C tìm chỗ để cầm cố chiếc xe mô tô mà bị cáo C trộm cắp và hưởng lợi số tiền 500.000đ. Hành vi của Phạm Quang S đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự:

“ Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức rất rõ hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có là vi phạm pháp luật; song để hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này HĐXX thấy tuy có đồng bị cáo tham gia nhưng không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ mà chỉ đồng phạm mang tính giản đơn; Nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra:

[4.1] Đối với bị cáo Đỗ Ngọc C: bị cáo trực tiếp thực hiện độc lập một lần trộm cắp trị giá 4.517.000đ; còn rủ rê bị cáo T tham gia một lần trộm cắp trị giá 8.000.000đ giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Bị cáo Đỗ Ngọc C hai lần trộm cắp tài sản có giá trị trên mỗi lần trên 2.000.000đ là tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đỗ Ngọc C tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đã trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, nhân thân của bị cáo; HĐXX thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

[4.2] Đối với bị cáo Phạm Thanh T: bị cáo trực tiếp thực hiện độc lập một lần trộm cắp trị giá 9.917.000đ; còn tham gia cùng bị cáo T trộm cắp một lần tài sản có trị giá 8.000.000đ giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo Phạm Thanh T hai lần trộm cắp tài sản có giá trị trên mỗi lần trên 2.000.000đ là tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Thanh T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đã trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, nhân thân của bị cáo có một tiền sự về hành vi sử dụng ma túy chứa được xóa; trước đây đã bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật. HĐXX thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung. Mức hình phạt không thấp hơn bị cáo Chiến.

[4.3] Đối với bị cáo Phạm Quang S: bị cáo trực tiếp thực hiện độc lập một lần tiêu thụ tài sản trộm cắp trị giá 4.517.000đ; giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

Bị cáo Phạm Quang S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu tội phạm có khung hình phạt tối đa là 03 năm tù là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện HĐXX thấy vẫn cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo; tuy nhiên căn cứ nhân thân của bị cáo chưa có tiền án tiền sự; có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng đủ điều kiện áp dụng Điều 65 BLHS đối với bị cáo cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo phạm tội nhằm mục đích hưởng lợi bất hợp pháp; có thu nhập và tài sản do đó cần áp dụng thêm khoản 5 Điều 323 BLHS phạt tiền bổ sung đối với bị cáo nhằm tăng tính phòng ngừa.

[5] Trong vụ án này còn có một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; căn cứ vào các lời khai của các bị cáo cũng như kết quả điều tra thì thấy rằng:

[5.1] Đối với anh Mai Văn T2 là người mua chiếc xe mô tô BKS 35F1-6360 của Đỗ Ngọc C trộm cắp ngày 13/11/2021; bản thân anh T2 không có sự hứa hẹn, bàn bạc trước khi mua xe; không biết đây là tài sản do C trộm cắp, do đó hành vi của anh T2 không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật hình sự.

[5.2] Đối với ông Vũ Văn T1 nhận cầm cố xe mô tô BKS 35B1-222.17 của Đỗ Ngọc C trộm cắp vào ngày 25/11/2020; ông T1 không có sự hứa hẹn, bàn bạc trước khi cầm cố xe; không biết đây là tài sản do C trộm cắp, khi có nghi ngờ đã yêu cầu bị cáo C và S nhận lại xe; do đó hành vi của ông T1 không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật hình sự.

[5.3] Đối với anh Trần Quang K là người cho Phạm Thanh T gửi xe mô tô BKS 35B2-082.11 trộm cắp được vào ngày 18/11/2020, quá trình điều tra xác định K và T có mối quan hệ bạn bè từ trước, không có sự hứa hẹn, bàn bạc trước, anh K không biết chiếc xe này do Thiên trộm cắp nên hành vi của K không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật hình sự.

[6]Đối với hành vi trộm cắp tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Daehan, kiểm dáng xe Dream không biển kiểm soát và 01 xe mô tô Honda Wave α màu trắng không nhớ biển kiểm soát vào cuối tháng 10/2020 tại địa bàn huyện N, tỉnh Nam Định mà bị cáo C và T khai nhận. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Deahan, kiểu dáng Dream tại nhà T, đối với xe Honda Wave α C đã bán cho Vũ Văn T4 đến nay chưa thu hồi được. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tách tài liệu và vật chứng này chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Nam Định để điều tra theo quy định của pháp luật.

[7]Về xử lý vật chứng:Quá trình điều tra, Công an huyện K đã trả xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng xe Wave, không có BKS màu cam- đen- bạc có số khung 261117, số máy 7261303 cho chị Phạm Thị X; trả xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu tím, BKS 35F1-6360, có số khung 053347, số máy 0053382 cho anh Đinh Quang H1; trả xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, BKS 35B1-222.17 có số máy 3117813, số khung Y317783 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 017177 và 01 chìa khóa xe cho ông Phạm Văn Đ (là bố đẻ của Phạm Văn H2), việc trả lại các vật chứng này của cơ quan điều tra là phù hợp quy định của pháp luật; các chủ sở hữu đã nhận lại xe và không có ý kiến hay đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

01 vạm phá khóa tự chế KT (12,5 x 1,7)cm bị cáo C dùng làm công cụ phá khóa điện xe mô tô, là vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Starlight M06 vỏ màu xanh đen là của Đỗ Ngọc C là phương tiện bị cáo rử rê bị cáo T tham gia trộm cắp, cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại mà bị cáo T sử dụng để liên lạc với bị cáo C để cùng trộm cắp xe ngày 11/10/2020 bị cáo khai đã đánh mất cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu hồi được không xác định được chủng loại giá trị do đó không có căn cứ để truy thu sung quỹ nhà nước chiếc dđiện thoại này.

[7]Đối với xe mô tô nhãn hiệu SYM- Angel 100 màu xanh, BKS 99H1-3937 và 01 đăng ký của xe này mang tên Đỗ Văn H5 ở Đ, G, Bắc Ninh và 01 chìa khóa xe nhãn hiệu “Honda” KT (5 x 5,2)cm , quá trình điều tra xác định, C mượn xe mô tô nêu trên của anh Hoàng Văn M, sinh năm 1990, trú tại xóm 1, xã K, huyện K, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K chưa nhận được kết quả xác minh nguồn gốc xe nêu trên nên tách phần tài liệu liên quan đến xe này để xử lý sau. 01 xe mô tô nhãn hiệu Deahan, kiểu dáng Dream, có số máy VDMD 100-1-0002333, không có số khung, không có biển kiểm soát, không yếm trước, quá trình điều tra đến nay chưa xác định được thông tin chủ sở hữu xe này nên Cơ quan cảnh sát

điều tra tách phần liên quan đến xe trên để xử lý sau là phù hợp quy định của pháp luật.

[8]Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 2.000.000đ Mai Văn T2 mua xe mô tô BKS ngày 13/11/2020, đến nay gia đình Phạm Thanh T và Đỗ Ngọc C đã trả lại cho anh T2; số tiền 2.000.000đ, Phạm Thanh T mượn của anh Trần Quang K vào ngày 18/11/2020 hiện gia đình Phạm Thanh T trả lại số tiền trên cho anh K; các anh T2 và K đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì khác nên hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

Số tiền 2.500.000đ bán xe cho ông T1 bị cáo Sáng và bị cáo T đã trả cho ông T1, ông T1 đã nhận đủ có yêu cầu đề nghị gì khác nên hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[9]Các bị cáo án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người bị hại, người liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52BLHS đối với các bị cáo Đỗ Ngọc C và Phạm Thanh T.

Căn cứ: khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65BLHS đối với bị cáo Phạm Quang S.

Căn cứ: Điều 47BLHS Điều 106, 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

1/Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Ngọc C và Phạm Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Phạt bị cáo Đỗ Ngọc C 18 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2020.

-Phạt bị cáo Phạm Thanh T 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2020

2/Tuyên bố: Bị cáo Phạm Quang S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Phạt bị cáo Phạm Quang S 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa tự chế KT (12,5 x 1,7)cm

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Starlight M06 vỏ màu xanh đen của Đỗ Ngọc C.

- Buộc các bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an huyện K,
- Bị cáo, bị hại; người liên quan;
- Lưu: HS&VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh